

Tổng hợp thị trường tuần

Số liệu cập nhật đến 16/10/2026

KỲ VỌNG NHỊP PHỤC HỒI TẠI 1,700



Shinhan
Securities

Chiến lược tuần

Tiêu điểm tuần

- Điều chỉnh Chiến lược nợ công đến năm 2030: nợ công không quá 60% và nợ Chính phủ không quá 50% tổng sản phẩm quốc nội
- Theo Thanh Niên ngày 15/10, các công ty con của Samsung dự kiến gần 8,000 tỷ won (khoảng 6 tỷ USD) cho dự án tại Việt Nam, LG Innotek có dự án nhà máy bán dẫn 1 tỷ USD tại Hải Phòng. Intel đầu tư khoảng 1.5 tỷ USD tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, BYD Electronics bổ sung 479.8 triệu USD tại Khu công nghiệp Phú Hà, Phú Thọ.
- Tại cuộc gặp các doanh nghiệp tiêu biểu ngày 12/10, nhân dịp Ngày Doanh nhân Việt Nam, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu tháo gỡ thực chất những khó khăn, giảm chi phí cho doanh nghiệp, củng cố niềm tin và tạo dựng môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch, thuận lợi.

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% thay đổi				Vốn hóa (tỷ USD)
		1W	1M	3M	YTD	
VN-Index	1,705.9	-1.7%	-5.8%	-5.4%	-4.4%	316.6
Upcom Index	124.9	+0.5%	-0.9%	-1.4%	+3.2%	25.8
HNX Index	259.1	-0.9%	-5.2%	-10.1%	+4.2%	15.7
VN30 Index	1,855.4	-1.0%	-5.1%	-4.4%	-8.6%	240.1
S&P 500 Index	n/a	-0.9%	+2.5%	+2.8%	+13.1%	69,215.4
STOXX Europe 600 Index	642.3	+1.7%	+0.8%	-0.2%	+8.4%	18,239.6
Hang Seng	24,165.0	-0.2%	-2.3%	-3.4%	-5.8%	3,700.0
Nikkei 225	65,324.3	-5.4%	+2.2%	-2.3%	+29.8%	6,476.3
SHCOMP Index	3,716.3	-2.6%	-4.5%	-4.3%	-6.4%	8,936.5
STI Index	5,426.1	+0.5%	-3.7%	-2.0%	+16.8%	616.0
KOSPI Index	5,668.1	-14.5%	-15.6%	-16.9%	+34.5%	3,322.0

Nguồn: Bloomberg.

THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG TRUNG BÌNH — THEO NHÓM VỐN HÓA

Giá trị giao dịch trung bình tuần

TUẦN NÀY

12,127.2

tỷ VND

TUẦN TRƯỚC

13,216.3

tỷ VND

% THAY ĐỔI SO VỚI TUẦN TRƯỚC

-8.2%

giá trị giao dịch trung bình

Nhóm vốn hóa	% thay đổi giá				% thay đổi giá trị giao dịch				Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Định giá		Vốn hóa (tỷ VND)
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD		P/E	P/B	
Vốn hóa lớn Large Cap	-1.8%	-5.9%	+0.5%	-4.7%	-5.3%	-8.1%	-13.7%	-38.2%	86.9	14.9x	2.3x	7,634,251.5
Vốn hóa trung bình Mid Cap	+0.3%	-3.9%	-6.2%	-14.8%	-23.7%	-3.1%	-7.0%	-39.9%	12.4	9.4x	1.1x	521,296.2
Vốn hóa nhỏ Small Cap	+0.4%	-1.9%	-4.1%	-19.8%	-25.9%	-18.7%	-12.7%	-36.6%	0.7	10.3x	0.6x	73,442.7

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

TOP 10 NÂNG ĐỖ			TOP 10 KÉO GIẢM		
CTG		+0.1 (+3.7%)	VIC		-0.9 (-4.7%)
MBB		+0.1 (+4.2%)	VHM		-0.5 (-7.6%)
VPB		+0.1 (+2.9%)	BSR		-0.2 (-8.7%)
HPG		+0.1 (+4.0%)	GAS		-0.1 (-5.7%)
TCB		+0.1 (+2.6%)	STB		-0.1 (-6.7%)
SHB		+0.0 (+6.5%)	LPB		-0.1 (-6.6%)
VCK		+0.0 (+4.2%)	GVR		-0.1 (-4.9%)
ACB		+0.0 (+2.2%)	MSN		-0.0 (-3.8%)
HDB		+0.0 (+1.8%)	MCH		-0.0 (-2.1%)
HVN		+0.0 (+3.7%)	VPL		-0.0 (-2.2%)

Đóng góp (điểm phần trăm) = tỷ trọng vốn hóa trong VN-Index × % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu từ 07/10/2026 đến 16/10/2026; số trong ngoặc là % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu trong cùng kỳ. Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN VN-INDEX VÀ P/E — 1 NĂM GẦN NHẤT



Nguồn: Bloomberg.

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ

Thị trường có nhịp giảm nhưng phục hồi vào phiên thứ 6, đây là tuần giảm thứ tư liên tục. Nhóm tài nguyên cơ bản và tài chính có sự phục hồi tốt trong khi nhóm bất động sản (chủ yếu do nhóm Vingroup), và dầu khí giảm mạnh. Dòng tiền có xu hướng chốt lời tại nhóm tăng mạnh 1-2 tuần trước và chuyển qua những nhóm có mặt bằng định giá đang rẻ. Các nhấn mạnh của ông Tô Lâm cũng đang mở ra tín hiệu hạ lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp, có thể tạo đà phục hồi cho nhóm bất động sản đang giao dịch ở mức thấp. Ngoài ra, mùa KQKD Q3 được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thêm nhịp phục hồi tại nhiều nhóm chưa tăng, và cải thiện đà lan tỏa; dù vậy chúng tôi vẫn cho rằng thanh khoản thị trường sẽ vẫn thấp.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN-Index kết tuần tại 1,705.9 điểm (-29 điểm, -1.68%) trên đồ thị tuần với thanh khoản thấp hơn. Thị trường tiếp tục giảm và tiệm cận vùng 1,700 điểm và đã có nhịp tăng nhẹ vào phiên thứ 6. Khối ngoại bán ròng khoảng 500 - 700 tỷ/phiên. Cần quan sát thêm thị trường tại mốc 1,700 điểm dù đây chỉ là mốc tâm lý nên khả năng giảm về cận dưới của vùng giao dịch tại 1,660 là có.

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ

Ưu tiên nhóm phòng thủ có beta thấp, có dòng tiền mạnh mẽ, cổ tức cao, cơ cấu nợ vay thấp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Có thể xem xét nhóm bảo hiểm, và điện nước. Trong ngắn hạn thị trường có thể giảm tiếp nên nhà đầu tư giao dịch ngắn nên ưu tiên quan sát

Diễn biến nhóm ngành

TĂNG MẠNH NHẤT (1W) +3.9% Tài nguyên cơ bản	GIẢM MẠNH NHẤT (1W) -7.7% Dầu khí	TỶ TRỌNG GIAO DỊCH LỚN NHẤT 32.3% Ngân hàng
---	---	---

% THAY ĐỔI GIÁ 1W THEO NGÀNH

Tài nguyên cơ bản		+3.9%
Tài chính		+2.2%
Xây dựng và vật liệu		+1.9%
Ngân hàng		+1.0%
Công nghệ Thông tin		+0.5%
Dược và Y tế		+0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng		-0.7%
Du lịch và Giải trí		-0.7%
Ô tô & Phụ tùng		-1.0%
Thực phẩm và đồ uống		-1.5%
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		-2.2%
Bán lẻ		-3.2%
Tiện ích		-3.5%
Hóa chất		-3.9%
Bất động sản		-4.7%
Bảo hiểm		-4.9%
Dầu khí		-7.7%

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

% THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GIAO DỊCH 1W THEO NGÀNH

Công nghệ Thông tin		+10.3%
Tài nguyên cơ bản		+10.1%
Xây dựng và vật liệu		+9.7%
Ngân hàng		+8.0%
Ô tô & Phụ tùng		+0.8%
Dầu khí		+0.3%
Tiện ích		-1.2%
Du lịch và Giải trí		-2.5%
Bất động sản		-4.0%
Tài chính		-8.2%
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		-19.2%
Bảo hiểm		-20.0%
Hóa chất		-26.1%
Thực phẩm và đồ uống		-26.9%
Dược và Y tế		-29.4%
Bán lẻ		-36.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng		-66.5%

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH ICB CẤP 2

Tên ngành	% thay đổi giá			% thay đổi giá trị giao dịch			Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Vốn hóa (tỷ VND)
	1M	3M	YTD	1M	3M	YTD		
Tài nguyên cơ bản	-2.3%	+1.1%	-10.9%	+27.0%	+4.2%	-37.5%	4.9	215,258.4
Tài chính	-8.5%	-11.0%	-12.7%	-10.8%	-29.2%	-50.9%	10.6	426,643.2
Xây dựng và vật liệu	+0.5%	-1.8%	-13.8%	+17.1%	-3.9%	-59.8%	2.7	123,098.4
Ngân hàng	-2.4%	+0.7%	-0.9%	+2.3%	-0.3%	-26.6%	32.3	2,540,700.0
Công nghệ Thông tin	-10.5%	-5.6%	-32.4%	+3.0%	-2.8%	-45.9%	3.5	120,537.5
Dược và Y tế	+0.7%	-1.6%	-13.6%	-68.4%	-49.3%	-39.3%	0.2	34,725.7
Hàng cá nhân & Gia dụng	-22.8%	-26.5%	-47.4%	-30.2%	-24.9%	-7.0%	2.0	31,155.4
Du lịch và Giải trí	-1.7%	-1.9%	-17.5%	-23.6%	-25.0%	-42.0%	1.5	311,239.3
Ô tô & Phụ tùng	-6.1%	-10.0%	-6.5%	+7.5%	-12.1%	-45.7%	0.3	16,190.8
Thực phẩm và đồ uống	-1.5%	+1.7%	-12.4%	-10.5%	-8.5%	-34.3%	6.5	586,818.2
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.3%	-1.1%	-19.2%	-19.4%	-16.6%	-38.7%	5.9	213,661.2
Bán lẻ	+3.4%	+5.6%	-9.5%	-23.6%	-19.7%	-47.3%	2.9	157,155.4
Tiện ích	-8.8%	+0.9%	-1.4%	-11.9%	-19.9%	-56.5%	1.6	321,342.2
Hóa chất	-1.8%	+5.7%	+4.7%	-29.3%	-20.5%	-62.0%	2.2	199,495.8
Bất động sản	-10.9%	-4.5%	-9.5%	-8.3%	-22.7%	-34.7%	18.0	2,493,809.4
Bảo hiểm	+3.5%	+20.3%	+19.3%	-21.0%	+33.4%	+0.9%	0.5	61,884.6
Dầu khí	-5.9%	+10.1%	+41.8%	-20.1%	+3.5%	-34.6%	4.6	203,682.0

Sắp xếp theo % thay đổi giá 1W. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Định giá

P/E VÀ P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

P/E SO SÁNH QUỐC TẾ			P/B SO SÁNH QUỐC TẾ		
VN-Index		13.0x	VN-Index		1.9x
S&P 500 Index		26.6x	S&P 500 Index		5.7x
STOXX Europe 600 Index		16.9x	STOXX Europe 600 Index		2.4x
Hang Seng		12.0x	Hang Seng		1.3x
Nikkei 225		20.5x	Nikkei 225		2.8x
SHCOMP Index		16.2x	SHCOMP Index		1.5x
KOSPI Index		10.2x	KOSPI Index		1.4x

Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN P/E VÀ P/B CỦA VN-INDEX



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.



Sắp xếp từ cao đến thấp. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Dòng vốn ngoại

KHỐI NGOẠI MUA 7,188.8 tỷ VND	KHỐI NGOẠI BÁN 10,201.5 tỷ VND	KHỐI NGOẠI RÒNG -3,012.6 tỷ VND	TỰ DOANH RÒNG +377.6 tỷ VND
--	---	--	--

Lưu ý: dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG			TOP 10 BÁN RÒNG		
MBB		+230.1	VIC		-417.4
PVT		+95.0	TCB		-281.9
HPG		+51.0	VIX		-213.9
BVH		+46.8	FRT		-208.1
CII		+44.8	FPT		-202.2
NT2		+27.4	VHM		-152.8
HCM		+26.0	VCI		-146.8
SHB		+25.3	HDB		-124.4
DGW		+19.7	ACB		-120.3
DCM		+17.0	MSB		-120.0

GIAO DỊCH TỰ DOANH — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

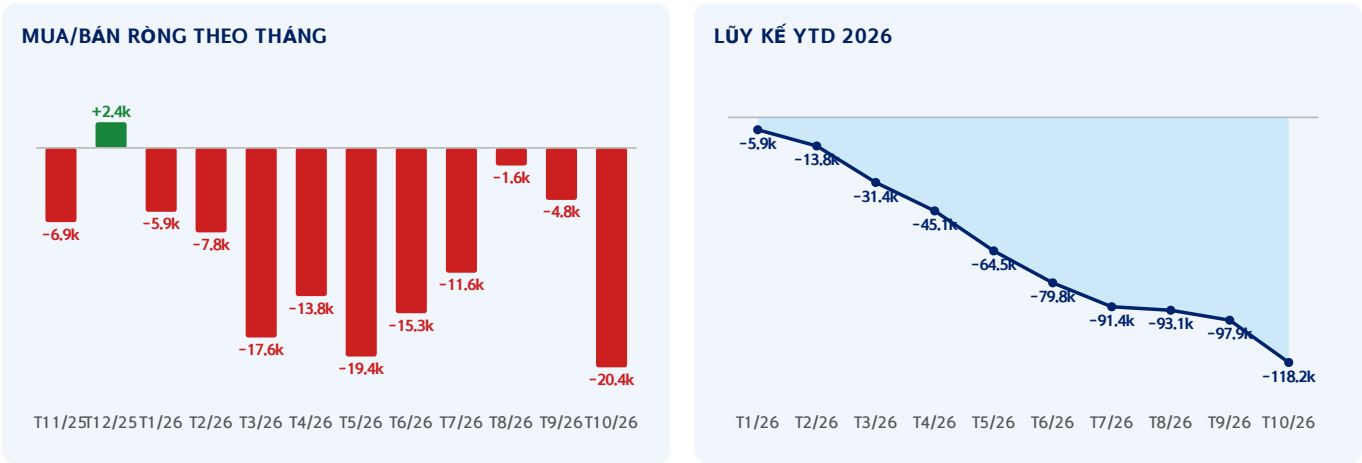
TOP 10 MUA RÒNG			TOP 10 BÁN RÒNG		
VPB		+797.0	TCB		-371.1
FRT		+239.1	MCH		-94.2
FUEKIV30		+62.5	VHM		-89.5
PVT		+49.6	VIC		-72.1
HPG		+42.4	STB		-47.4
VCB		+41.0	HDB		-42.9
MWG		+39.0	CTG		-42.8
HAH		+36.9	MSB		-39.1
FUESSVFL		+32.4	NVL		-35.1
VBB		+26.7	LPB		-30.9

MUA/BÁN RÒNG THEO NGÀNH — TỰ DOANH VÀ NƯỚC NGOÀI (TỶ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh	Khối ngoại
Tài nguyên Cơ bản	+41.8	+66.4
Bảo hiểm	-0.4	+46.5
Xây dựng và Vật liệu	+12.6	+23.5
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-36.6	+13.5
Y tế	+0.0	+3.2
Truyền thông	+0.0	-0.0
Ô tô và phụ tùng	+0.0	-3.4
Hóa chất	-1.8	-4.5
Du lịch và Giải trí	-5.9	-50.0
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.9	-92.4
Dầu khí	-12.9	-121.8
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+66.8	-173.9
Bán lẻ	+277.3	-197.1
Thực phẩm và đồ uống	-107.1	-205.5
Công nghệ Thông tin	-3.6	-209.2
Dịch vụ tài chính	+96.0	-664.8
Bất động sản	-201.2	-678.3
Ngân hàng	+255.4	-764.8
Tổng	+377.6	-3,012.6

Sắp xếp theo giá trị mua/bán ròng của khối ngoại. Không bao gồm giao dịch thỏa thuận. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DÒNG VỐN NGOẠI THEO THÁNG (TỶ VND)



Tháng 10/2026: từ 01/10/2026 đến 15/10/2026. k = nghìn tỷ VND. Nguồn: FiinPro.

ETF

TỔNG TÀI SẢN ETF	DÒNG VỐN RÒNG 1W	DÒNG VỐN RÒNG 1M	DÒNG VỐN RÒNG 3M
2,294.2	-6.3	-23.7	+14.1
triệu USD	triệu USD	triệu USD	triệu USD

DÒNG VỐN NGOẠI THEO QUỐC GIA (TRIỆU USD)

Quốc gia	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n/a	+13,045.1	+148,180.1	+166,057.9
Ấn Độ	-57.8	-4,016.0	-4,016.0	-32,277.5
Indonesia	+8.6	-212.5	-212.5	-4,878.2
Nhật Bản*	+22,244.3	+36,130.3	+36,130.3	+85,454.2
Malaysia	-53.1	-203.5	-203.5	-1,730.2
Hàn Quốc	-8,519.8	-13,333.2	-13,312.9	-140,015.2
Sri Lanka	-0.2	-1.9	-1.9	-179.3
Đài Loan	-17,765.7	-17,814.8	-17,778.6	-54,737.7
Thái Lan	+113.9	-299.6	-299.6	+514.1
Việt Nam	-90.8	-752.7	-752.7	-4,386.9

* Trung Quốc: số liệu có độ trễ 1 quý; Nhật Bản: số liệu có độ trễ 1 tuần. Nguồn: Bloomberg.

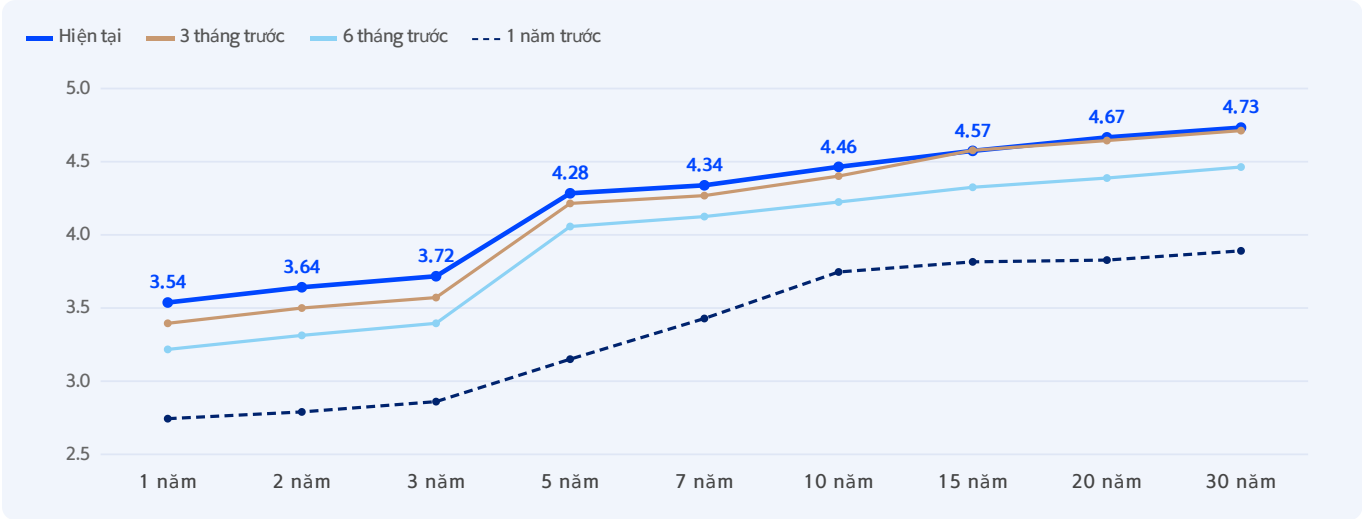
DÒNG VỐN RÒNG VÀO ETF VIỆT NAM (TRIỆU USD)

Tên ETF	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,294.2	-6.3	-23.7	+14.1	-176.8*
Nước ngoài	1,585.3	0.0	-18.7	+9.7	n/a
VanEck Vectors Vietnam ETF	463.5	0.0	-16.2	-31.9	n/a
Fubon FTSE Vietnam ETF	322.8	0.0	0.0	-14.1	n/a
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	187.9	0.0	0.0	0.0	n/a
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	334.3	0.0	-2.4	-10.2	n/a
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	260.0	0.0	0.0	+65.9	n/a
Premia MSCI Vietnam ETF	4.8	0.0	0.0	0.0	n/a
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2.4	0.0	0.0	0.0	n/a
Asian Growth CUBS ETF	9.8	0.0	0.0	0.0	n/a
Trong nước	708.9	-6.3	-5.0	+4.4	-25.6
DCVFMVN Diamond ETF	402.3	-3.7	-7.9	-0.9	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	220.7	+0.1	+2.6	+3.3	-18.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23.0	-2.7	+0.5	+2.7	+3.7
MAFN VN30 ETF	19.5	0.0	-0.4	-3.3	-13.7
SSIAM VNX50 ETF	7.4	0.0	0.0	+2.0	+1.9
VinaCapital VN100 ETF	26.5	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9.6	0.0	+0.2	+0.6	+1.3

* YTD: chỉ gồm các ETF trong nước (chưa có số liệu từ đầu năm của ETF nước ngoài). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Số liệu vĩ mô

ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM (%)



Kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm
Hiện tại	3.54	3.64	3.72	4.28	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
Tuần trước	3.54	3.64	3.72	4.29	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
3 tháng trước	3.40	3.50	3.57	4.21	4.27	4.40	4.58	4.64	4.71
6 tháng trước	3.22	3.31	3.40	4.06	4.12	4.22	4.33	4.39	4.46
1 năm trước	2.74	2.79	2.86	3.15	3.43	3.75	3.81	3.83	3.89
Thay đổi so với tuần trước (điểm cơ bản)	0.0	0.0	0.0	-0.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

TỶ GIÁ

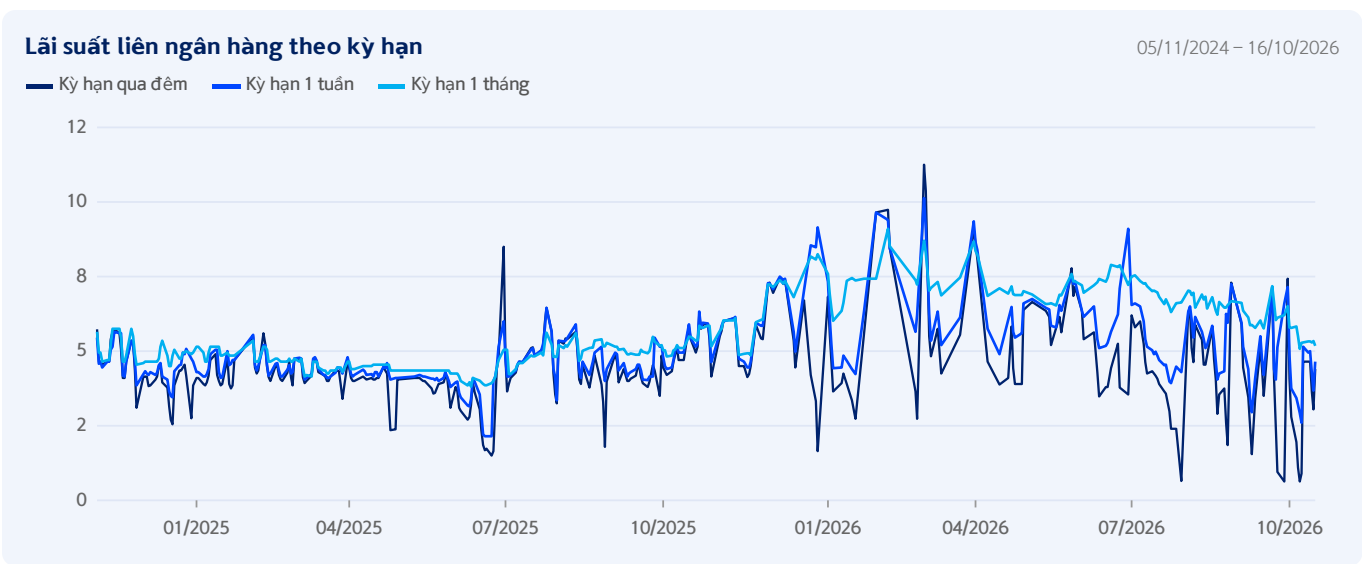
Cặp	Giá	1W	1M	3M	YTD
Chỉ số đô la Mỹ	101.8	-0.4%	+1.5%	+1.0%	+3.5%
VND/USD	25,873.0	0.0%	-0.4%	-1.5%	-1.6%
KRW/USD	1,333.2	-0.8%	-3.1%	-10.0%	-7.4%
JPY/USD	158.0	-0.2%	+1.1%	-2.7%	+0.8%
EUR/USD	0.9	-0.3%	+2.0%	+1.8%	+4.5%
SGD/USD	1.3	0.0%	+0.2%	-0.8%	-0.4%
CNY/USD	6.7	-0.1%	-0.3%	-1.3%	-4.3%

Giá: số đơn vị ngoại tệ trên 1 USD. Nguồn: Bloomberg.

HÀNG HÓA

Mặt hàng	Giá	1W	1M	3M	YTD
Dầu thô	97.2	+5.9%	-5.1%	+23.2%	+69.3%
Xăng	314.9	-4.4%	-9.6%	-4.1%	+84.7%
Gas	3.2	-1.3%	+10.0%	+11.2%	-13.8%
Than	149.7	+0.1%	+3.5%	+16.2%	+39.2%
Vàng	4,185.6	-0.2%	-1.8%	+5.3%	-3.1%
Bạc	57.7	-5.1%	-8.4%	+3.9%	-19.5%
Platinum	1,643.5	-2.9%	-6.4%	+1.2%	-20.2%
Quặng sắt	90.6	-0.5%	-7.0%	-8.4%	-15.5%
Thép cán	3,270.0	-0.3%	-1.6%	-1.3%	0.0%
Lúa mì	666.0	-0.7%	-8.9%	-1.3%	+31.4%
Ngô	478.8	-0.2%	-10.4%	+8.4%	+8.7%
Gỗ	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a

Giá: USD (trừ khi nguồn ghi khác). n/a: Bloomberg không trả dữ liệu. Nguồn: Bloomberg.



Kỳ hạn	Hiện tại (16/10)	Tuần trước (09/10)	Tháng trước (16/09)	Thay đổi so với tuần trước (điểm %)
Qua đêm	4.40	4.65	3.50	-0.25
1 tuần	4.65	5.15	4.20	-0.50
1 tháng	5.18	5.29	5.76	-0.11

Ngày so sánh là phiên gần nhất có số liệu. Nguồn: Bloomberg.

Độ rộng thị trường

RSI DƯỚI 30 (BÁN QUÁ MỨC)

16

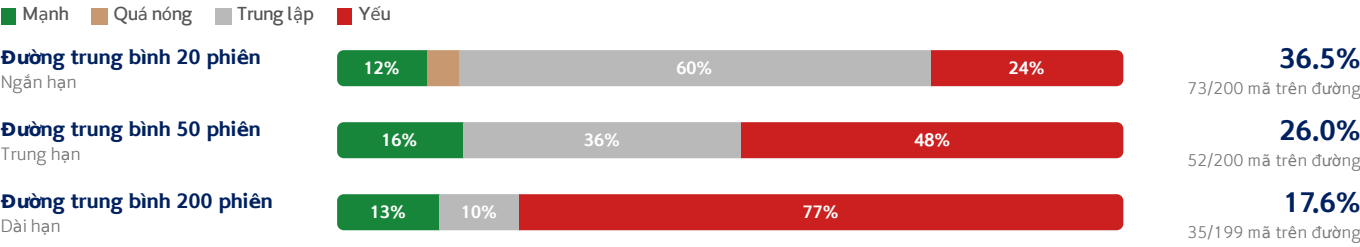
8.0% số mã

RSI TRÊN 70 (MUA QUÁ MỨC)

3

1.5% số mã

TỶ LỆ CỔ PHIẾU TRÊN CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG — 200 CỔ PHIẾU



Số % trong cột phải: tỷ lệ cổ phiếu có giá đóng cửa cao hơn đường trung bình. Ngưỡng xếp loại theo khoảng cách giữa giá và đường trung bình: Yếu: thấp hơn đường trung bình trên 3%; Trung lập: lệch trong khoảng ±3%; Mạnh: cao hơn từ 3% đến 8%; Quá nóng: cao hơn trên 8% (chỉ áp dụng cho đường 20 phiên). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

XU HƯỚNG THEO NHÓM NGÀNH

NGÂN HÀNG (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	40.9	Yếu	Yếu
MBB	54.7	Trung lập	Trung lập
HDB	67.0	Mạnh	Mạnh
VPB	73.4	Mạnh	Mạnh
MSB	69.5	Mạnh	Mạnh
TCB	58.0	Trung lập	Mạnh
EIB	44.4	Trung lập	Yếu
ACB	37.7	Trung lập	Yếu
TPB	46.8	Trung lập	Yếu
STB	19.0	Yếu	Yếu
CTG	55.8	Trung lập	Trung lập
VIB	57.4	Trung lập	Trung lập
SSB	39.1	Yếu	Yếu
VCB	42.2	Trung lập	Trung lập
NAB	49.1	Trung lập	Trung lập
OCB	41.8	Trung lập	Yếu
BID	38.7	Trung lập	Yếu
LPB	30.8	Yếu	Yếu

BẢO HIỂM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
BVH	49.6	Trung lập	Mạnh
BMI	50.2	Trung lập	Trung lập
BIC	27.1	Yếu	Yếu
VIX	42.4	Trung lập	Yếu
SSI	42.2	Trung lập	Yếu
VND	36.0	Yếu	Yếu
VCI	42.8	Trung lập	Yếu
HCM	45.7	Trung lập	Yếu
TCX	32.0	Yếu	Yếu
ORS	53.6	Trung lập	Trung lập
VDS	42.1	Trung lập	Yếu
FTS	42.1	Trung lập	Yếu
CTS	54.7	Mạnh	Trung lập
BSI	53.2	Mạnh	Yếu
TCI	49.6	Trung lập	Trung lập
TVB	44.8	Trung lập	Yếu
DSE	24.0	Yếu	Yếu

BẤT ĐỘNG SẢN (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
DXG	45.3	Trung lập	Yếu
NVL	38.1	Yếu	Yếu
DIG	45.2	Trung lập	Yếu
VRE	35.6	Yếu	Yếu
PDR	40.4	Trung lập	Yếu
VIC	36.9	Yếu	Yếu
KDH	49.7	Trung lập	Yếu
VHM	33.3	Yếu	Yếu
TCH	49.9	Trung lập	Trung lập
KBC	50.1	Trung lập	Trung lập
HDG	41.7	Trung lập	Yếu
HDC	37.2	Trung lập	Yếu
NLG	37.1	Trung lập	Yếu
DXS	40.1	Yếu	Yếu
NTL	49.5	Trung lập	Yếu
SIP	43.1	Trung lập	Trung lập
SZC	45.3	Trung lập	Yếu
BCM	43.6	Trung lập	Yếu

TÀI NGUYÊN CƠ BẢN VÀ XÂY DỰNG VẬT LIỆU (16)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
HPG	52.2	Trung lập	Trung lập
NKG	59.6	Mạnh	Trung lập
HSG	56.4	Mạnh	Trung lập
SMC	39.5	Trung lập	Yếu
CII	51.8	Mạnh	Yếu
HHV	58.9	Mạnh	Trung lập
VCG	65.5	Quá nóng	Trung lập
PC1	35.3	Yếu	Yếu
FCN	44.0	Trung lập	Yếu
VGC	53.9	Trung lập	Mạnh
DPG	52.3	Trung lập	Trung lập
CTD	57.8	Mạnh	Trung lập
CTR	24.7	Yếu	Yếu
HT1	52.5	Trung lập	Trung lập
CTI	55.9	Trung lập	Trung lập
BMP	40.5	Trung lập	Trung lập

HÀNG & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG CÁ NHÂN & GIA DỤNG (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
GEX	42.4	Trung lập	Yếu
VSC	44.8	Trung lập	Yếu
PVT	51.1	Trung lập	Mạnh
GMD	59.9	Trung lập	Mạnh
HAH	48.0	Trung lập	Trung lập
GEE	45.4	Yếu	Trung lập
VOS	44.9	Yếu	Trung lập
APH	53.0	Trung lập	Mạnh
VTP	39.7	Trung lập	Trung lập
SBG	51.1	Trung lập	Trung lập
REE	41.0	Trung lập	Trung lập
PAC	51.6	Trung lập	Trung lập
TV2	38.8	Trung lập	Yếu
TCM	25.6	Yếu	Yếu
TLG	58.4	Trung lập	Mạnh
PNJ	23.6	Yếu	Yếu
MSH	61.4	Trung lập	Mạnh

ĐẦU KHÍ & ĐIỆN NƯỚC VÀ TIỆN ÍCH (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
PVD	40.0	Yếu	Yếu
BSR	40.4	Yếu	Trung lập
PLX	43.0	Trung lập	Yếu
POW	33.8	Yếu	Yếu
NT2	69.3	Mạnh	Mạnh
GAS	37.5	Yếu	Yếu
GEG	35.2	Trung lập	Yếu
PPC	45.7	Trung lập	Trung lập

TRUYỀN THÔNG VÀ Y TẾ (5)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
YEG	39.7	Trung lập	Trung lập
DCL	66.4	Mạnh	Mạnh
DBD	47.4	Trung lập	Trung lập
TNH	52.8	Mạnh	Yếu
JVC	62.4	Quá nóng	Mạnh

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ BÁN LẺ (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	33.6	Yếu	Yếu
SAM	46.8	Trung lập	Trung lập
ELC	32.3	Yếu	Yếu
CMG	29.0	Yếu	Yếu
MWG	50.6	Trung lập	Trung lập
DGW	45.5	Yếu	Trung lập
PET	60.5	Trung lập	Mạnh
FRT	48.2	Trung lập	Trung lập

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
MSN	52.7	Trung lập	Mạnh
VNM	41.9	Trung lập	Yếu
DBC	49.8	Trung lập	Trung lập
BAF	39.7	Trung lập	Trung lập
SAB	41.5	Trung lập	Yếu
ANV	59.4	Mạnh	Mạnh
VHC	47.5	Trung lập	Trung lập
MCH	45.3	Trung lập	Trung lập

DU LỊCH & GIẢI TRÍ VÀ Ô TÔ PHỤ TÙNG (7)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
VPL	48.9	Trung lập	Trung lập
VJC	44.6	Trung lập	Trung lập
HVN	52.5	Trung lập	Yếu
SCS	20.0	Yếu	Yếu
VNG	41.8	Trung lập	Yếu
HAX	43.9	Trung lập	Yếu
DRC	45.4	Trung lập	Trung lập

RSI: chỉ số sức mạnh tương đối. Ngắn hạn: so với đường trung bình 20 phiên; Trung hạn: so với đường 50 phiên. Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Danh sách theo dõi

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀM NĂNG

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	TCH	11.1	NA	NA	NA	Doanh nghiệp bất động sản ít vay nợ, phù hợp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Nền giá đang có xu hướng tạo đáy và tích lũy gần vùng MA 50
2	BVH	71.4	NA	70.0	NA	Nhóm bảo hiểm hưởng lợi từ lãi suất huy động tăng. Có sự phục hồi tốt từ vùng đáy với thanh khoản cải thiện
3	HPG	20.8	NA	NA	NA	Hòa Phát công bố lũy kế 9T/2026 bán 10.3 triệu tấn thép (gồm thép cuộn cán nóng, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép), tăng 39% YoY.
4	MWG	72.8	NA	NA	NA	Kỳ vọng MWG có KQKD Q3 tăng trưởng mạnh, nhóm bán lẻ nói chung có triển vọng vững chắc. MWG đang giao dịch trên MA 50 và đang có dấu hiệu điều chỉnh

NA: chưa có số liệu. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU RỦI RO CAO NÊN TRÁNH

STT	Ngành	Cổ phiếu	Ghi chú
1	Bất động sản	NVL	Nhịp giảm sàn mạnh của NVL ngay trước phiên chốt quyền mua. Cùng với động thái bán ra liên tục của ban lãnh đạo và công đoàn của công ty. Nhóm bất động sản nhìn chung đang gặp tác động tiêu cực từ lãi suất tăng cao
2	Hàng cá nhân & gia dụng	PNJ	PNJ đang có cú shock về cả KQKD và niềm tin của thị trường. Cổ phiếu giảm sàn liên tục và việc tham gia là rất rủi ro.

Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

Mạng lưới Shinhan Investment

MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem
Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nam Hoang, CFA · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · (84-28) 6288-7000 – Ext: 7603

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.

Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.